

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
THÁNG 01 NĂM 2024

Năm 2024 là năm có ý nghĩa quan trọng trong việc tăng tốc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI và các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025. Với chủ đề năm 2024 “Quyết tâm thực hiện hiệu quả chuyển đổi số và Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội”, Thành phố hướng đến mục tiêu khơi thông các điểm nghẽn trong thực thi chính sách, đổi mới tư duy quản lý, nâng cao khả năng chống chịu và thích ứng của nền kinh tế, vượt qua các khó khăn và thách thức.

Ước tính kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố tháng 01 năm 2024 như sau:

1. SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Ngành nông nghiệp Thành phố tiếp tục đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, chuyển dịch theo hướng nông nghiệp đô thị, áp dụng công nghệ cao, tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật công nghệ sinh học, phát triển các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

1.1. Nông nghiệp

1.1.1. Trồng trọt

Vụ Đông Xuân: Diện tích lúa gieo trồng vụ Đông Xuân đạt 4.075 ha, giảm 3,0% so với cùng kỳ, trong đó tập trung chủ yếu tại huyện Hóc Môn và huyện Củ Chi.

Diện tích trồng ngô đạt 277,4 ha, giảm 4,0% so với cùng kỳ; sản lượng sơ bộ đạt 288,3 tấn, giảm 2,4%.

Diện tích trồng sắn mỳ đạt 63 ha, tăng 1,5% so với cùng kỳ.

Diện tích gieo trồng rau các loại ước đạt 1.650 ha, giảm 0,9% so với cùng kỳ, sản lượng rau các loại ước đạt 43.240,7 tấn, tăng 0,9%.

Sơ bộ tình hình sản xuất lúa vụ Mùa năm 2023: Diện tích gieo trồng lúa mùa đạt 5.469,9 ha, giảm 4,3% so với cùng kỳ; trong đó diện tích lúa tại huyện Củ Chi 3.443,6 ha; huyện Bình Chánh có 1.659,6 ha; huyện Hóc Môn 142,8 ha; huyện Cần Giờ 90 ha; quận Bình Tân 55 ha; thành phố Thủ Đức 71,0 ha; huyện Nhà Bè 7,6 ha.

Tình hình sinh vật gây hại: Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 1.003,2 ha, tăng 4,8% so với cùng kỳ; diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau 555,4 ha, giảm 3,6%; diện tích nhiễm sinh vật hại đã phòng trừ là 332,6 ha. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, dòi đục lá, rầy xám, bệnh ri trắng, ốc brou vàng và chuột.

1.1.2. Chăn nuôi

Trong tháng 01 năm 2024, hoạt động chăn nuôi trên địa bàn Thành phố tiếp tục được duy trì tình hình dịch bệnh được kiểm soát tốt và chuẩn bị sản lượng thịt, trứng, sữa cung cấp cho thị trường dịp tết Nguyên đán. Tổng đàn chăn nuôi ước tính cụ thể:

Đàn trâu có 3.088 con, giảm 0,6% so với cùng kỳ.

Đàn bò có 93.586 con, giảm 5,7%, trong đó đàn bò sữa có 57.017 con, giảm 8,4%.

Đàn lợn thịt có 183.207 con, tương đương so với cùng kỳ.

Đàn gia cầm có 353 nghìn con, giảm 2,7%, trong đó đàn gà có 314 nghìn con, tăng 0,2%.

1.2. Lâm nghiệp

Tổng diện tích đất có rừng và cây lâm nghiệp trồng phân tán hiện nay khoảng 36.822 ha; tỷ lệ che phủ rừng và cây lâm nghiệp phân tán đạt 17,6% so với cùng kỳ.

Sản lượng lâm sản khai thác ước đạt 200 m³ gỗ ở công ty cây trồng Thành phố và khoảng 195 ster củi tận thu từ rừng phòng hộ của các hộ dân tại huyện Cần Giờ.

1.3. Thủy sản

Tổng sản lượng thủy sản tháng 01 năm 2024 ước thực hiện 4.832 tấn, giảm 2,9% so với cùng kỳ. Chia ra: Sản lượng cá ước đạt 1.255 tấn, giảm 1,3% so với cùng kỳ; sản lượng tôm ước đạt 1.162 tấn, tăng 6,4%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 2.415 tấn, giảm 7,6%.

Phân theo hình thức khai thác, nuôi trồng thủy sản,

Sản lượng thủy sản khai thác tháng 01 năm 2024 ước thực hiện 1.056 tấn, giảm 5,0% so với cùng kỳ. Chia ra: Sản lượng cá ước đạt 582 tấn, giảm 6,4% so

với cùng kỳ; sản lượng tôm ước đạt 159 tấn, giảm 9,3%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 315 tấn, tăng 0,6%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng 01 năm 2024 ước đạt 3.776 tấn, giảm 2,3% so với cùng kỳ. Chia ra: Sản lượng cá ước đạt 673 tấn, tăng 3,8% so với cùng kỳ; sản lượng tôm ước đạt 1.003 tấn, tăng 9,4%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 2.100 tấn, giảm 8,7%.

Tình hình thả nuôi tôm (Tính đến ngày 10/01/2024),

Tôm sú: Hiện có 223 lượt hộ thả nuôi với 13,4 triệu con giống trên diện tích 3.229 ha. Diện tích thả tương đương so với cùng kỳ, số lượng con giống giảm 1,5%.

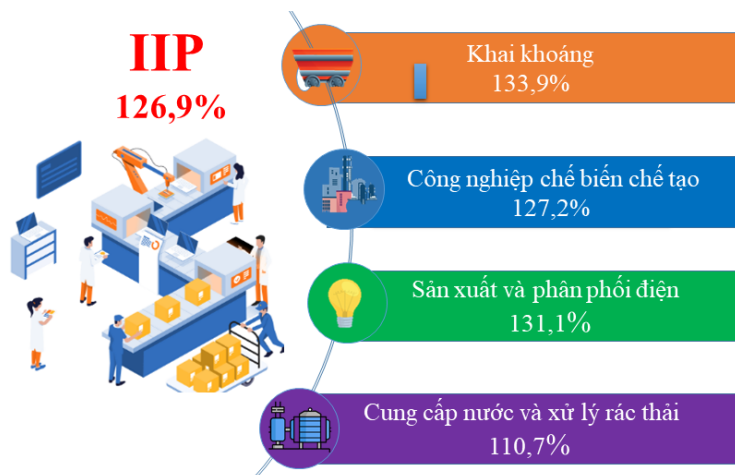
Tôm thẻ chân trắng: Có 128 lượt hộ thả nuôi với 41,4 triệu con giống trên diện tích 98,6 ha. Diện tích thả nuôi giảm 24,9% so với cùng kỳ và số lượng con giống đã giảm 43,0%.

Trong tháng đã có 01 hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 0,6 ha, số lượng con giống thiệt hại là 0,5 triệu con. Toàn bộ diện tích bị thiệt hại được xử lý dập bệnh bằng 220 kg thuốc TTCA của quỹ phòng ngừa dịch bệnh.

2. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 01 năm 2024 ước tính giảm 4,5% so với tháng trước. Chia ra, ngành công nghiệp khai khoáng tăng 7,0%; công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 4,9%; sản xuất và phân phối điện tăng 0,2%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 2,2%. Có 16/30 ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp cấp II tăng so với tháng trước, trong đó một số ngành tăng cao như: Sản xuất xe có động cơ tăng 9,2%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 5,6%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 4,2%. Có 14/30 ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp giảm, trong đó một số ngành giảm như: Sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 24,0%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 22,5%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác giảm 18,9%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 01 năm 2024 so với cùng kỳ (%)



Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp trên địa bàn Thành phố tháng 01 năm 2024 tăng 26,9% so với cùng kỳ, do cùng kỳ tháng 01 năm 2023 là tháng tết Nguyên đán. Chia ra, ngành công nghiệp khai khoáng tăng 33,9%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 27,2%; sản xuất và phân phối điện tăng 31,1%; cung cấp nước và xử lý nước thải tăng 10,7%. Có 28/30 ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp cấp II tăng so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có chỉ số sản xuất tăng cao như: Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 71,0%; sửa chữa bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị tăng 46,9%; sản xuất giường tủ, bàn, ghế tăng 43,7%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 41,1%; sản xuất sản phẩm từ khoáng kim loại tăng 40,6%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 38,9%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu tháng 01 năm 2024 so với cùng kỳ

Đơn vị tính: %

	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số	127,4	90,6	82,6	126,9
Chia theo ngành cấp I				
1. Công nghiệp khai khoáng	28,5	443,6	121,5	133,9
2. Công nghiệp chế biến chế tạo	129,2	89,7	81,8	127,2
3. Sản xuất và phân phối điện	107,6	97,7	90,4	131,1
4. Cung cấp nước và xử lý chất thải	102,8	101,8	97,7	110,7
Một số ngành chủ yếu				
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	134,8	89,7	89,8	123,7
2. Sản xuất đồ uống	118,2	90,0	80,3	123,1
3. Sản xuất trang phục	94,4	99,6	68,8	126,1
4. Sản xuất da và sản phẩm liên quan	109,2	68,6	82,9	114,1
5. Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất	158,7	99,6	88,8	138,9
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	141,2	139,5	104,6	128,3
7. Sản phẩm từ khoáng kim loại	152,4	85,9	59,0	140,6
8. Sản xuất sản phẩm điện tử	149,0	79,2	76,8	107,4
9. Sản xuất thiết bị điện	156,5	83,9	85,4	127,8
10. Sản xuất xe có động cơ	200,9	94,4	103,8	124,9

Đối với 4 ngành công nghiệp trọng điểm: Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 01 năm 2024 tăng 29,1% so với cùng kỳ. Chia ra, ngành cơ khí tăng 43,1%; ngành hóa dược tăng 33,3%; ngành chế biến lương thực, thực phẩm tăng 23,5%; ngành sản xuất hàng điện tử tăng 7,4%.

Đối với 3 ngành công nghiệp truyền thống: Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 01 năm 2024 tăng 22,3% so với cùng kỳ. Chia ra, ngành dệt tăng 31,6%;

sản xuất trang phục tăng 26,1%; ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 14,1%.

Các sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 01 năm 2024 đều tăng cao so với cùng kỳ như: Phân khoáng hoặc phân hóa học tăng 65,1%; thuốc lá điều và sổ sách, vở, giấy, các sản phẩm bằng giấy chưa phân vào đầu tăng 37,8%; xi măng tăng 36,4%; điện thương phẩm tăng 31,2% và duy nhất sản phẩm tivi là giảm 6,8%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 01 năm 2024 ước tính giảm 3,4% so với tháng trước và tăng 27,8% so với cùng kỳ. Trong đó, 20/23 ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cấp II có chỉ số tiêu thụ tăng và 03 ngành có chỉ số tiêu thụ giảm. Một số ngành tăng cao như: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 66,0%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 59,4%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 50,6%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 46,6%.

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 01 năm 2024 ước tính tăng 2,3% so với tháng trước và tăng 27,5% so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có chỉ số tồn kho cao như: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 66,2%; dệt tăng 58,8%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 24,1%. Một số ngành có mức tồn kho giảm như: Sản xuất kim loại giảm 73,6%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đầu giảm 53,3%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa giảm 45,0%.

Tình hình lao động làm việc tại các doanh nghiệp ngành chế biến chế tạo trong tháng 01 năm 2024 tăng 0,4% so với tháng trước và giảm 5,2% so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có chỉ số lao động tăng như: Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 29,5%; sản xuất đồ uống tăng 12,8%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 8,6%. Một số ngành có chỉ số lao động giảm như: Sản xuất kim loại giảm 29,6%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 21,1%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đầu giảm 19,6%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 15,6%.

3. ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

3.1. Đăng ký thành lập doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 20/01/2024, Thành phố cấp phép 3.303 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 39.020 tỷ đồng, tăng 30,2% về giấy phép và tăng 117,2% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, 09 ngành dịch vụ chủ yếu có

2.465 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 32.857 tỷ đồng, tăng 29,9% về cấp phép và tăng 154,9% về vốn so với cùng kỳ.

Phân theo loại hình doanh nghiệp,

Công ty TNHH có 3.027 đơn vị với vốn đăng ký đạt 32.931 tỷ đồng, tăng 31,7% về cấp phép và tăng 147,4% về vốn so với cùng kỳ.

Công ty cổ phần có 248 đơn vị với vốn đăng ký đạt 6.080 tỷ đồng, tăng 23,4% về cấp phép và tăng 31,1% về vốn so với cùng kỳ.

Doanh nghiệp tư nhân có 28 đơn vị với vốn đăng ký đạt 09 tỷ đồng, giảm 20,0% về cấp phép và giảm 25,0% về vốn so với cùng kỳ.

Phân theo khu vực kinh tế,

Số lượng doanh nghiệp cấp phép ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có 06 đơn vị với vốn đăng ký đạt 152 tỷ đồng, giảm 45,5% về cấp phép và giảm 22,5% về vốn so với cùng kỳ.

Số lượng doanh nghiệp cấp phép ngành xây dựng – công nghiệp có 605 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 5.050 tỷ đồng, tăng 34,1% về cấp phép và tăng 19,3% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, ngành công nghiệp có 361 doanh nghiệp và vốn đăng ký 2.174 tỷ đồng, tăng 42,1% về cấp phép và tăng 57,6% về vốn so với cùng kỳ; ngành xây dựng có 244 doanh nghiệp và vốn đăng ký 2.876 tỷ đồng, tăng 23,9% về cấp phép và tăng 0,8% về vốn so với cùng kỳ.

Số lượng doanh nghiệp cấp phép ngành thương mại, dịch vụ có 2.692 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 33.818 tỷ đồng, tăng 29,8% về cấp phép và tăng 149,8% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, thương nghiệp có 1.525 đơn vị và vốn đăng ký đạt 9.183 tỷ đồng, tăng 43,6% về cấp phép và tăng 39,1% về vốn so với cùng kỳ; vận tải kho bãi có 157 đơn vị và vốn đăng ký đạt 09 tỷ đồng, tăng 43,6% về cấp phép và tăng 39,1% về vốn; dịch vụ lưu trú ăn uống có 136 đơn vị và vốn đăng ký đạt 425 tỷ đồng, giảm 13,9% về cấp phép và giảm 15,2% về vốn; kinh doanh bất động sản có 85 đơn vị và vốn đăng ký đạt 18.358 tỷ đồng, tăng 16,5% về cấp phép và gấp hơn 10 lần về vốn; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 292 đơn vị và đăng ký 1.726 tỷ đồng, tăng 9,4% về cấp phép và tăng 64,2% về vốn.

3.2. Tình hình cấp phép đầu tư trực tiếp nước ngoài

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 20/01/2024, tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Thành phố đạt 125,7 triệu USD, bằng 70,2% so với cùng kỳ, trong đó:

Cấp mới có 80 dự án cấp phép mới, tăng 60,0% so với cùng kỳ và vốn đăng ký đạt 23,8 triệu USD, bằng 27,4%. Trong đó, hoạt động bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy với 53 dự án, vốn đăng ký là 20,9 triệu USD, chiếm 87,7% vốn đăng ký cấp mới; kể đến hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 11 dự án, vốn đăng ký 1,6 triệu USD, chiếm 6,9%; hoạt động thông tin và truyền thông có 09 dự án, vốn đăng ký là 0,9 triệu USD, chiếm 3,7%. Nhật Bản là quốc gia dẫn đầu về dự án cấp phép mới với 08 dự án, vốn đăng ký đạt 12,1 triệu USD, chiếm 50,8% vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Hàn Quốc với 13 dự án, vốn đăng ký 2,9 triệu USD, chiếm 12,3%; Hồng Kông với 05 dự án, vốn đăng ký đạt 2,4 triệu USD, chiếm 9,9%.

Điều chỉnh vốn đăng ký có 07 dự án điều chỉnh vốn đăng ký, bằng 35,0% so với cùng kỳ và vốn điều chỉnh đạt 8,9 triệu USD, bằng 23,7%. Trong đó, hoạt động kinh doanh bất động sản có 03 dự án, vốn đăng ký tăng 7,3 triệu USD chiếm 82,4% vốn đăng ký điều chỉnh; hoạt động công nghiệp chế biến, chế tạo có 02 dự án, vốn đăng ký tăng 1,6 triệu USD, chiếm 17,5%. Pháp là quốc gia có số vốn điều chỉnh cao nhất đạt 5,4 triệu USD, chiếm 61,5% trong tổng vốn đăng ký điều chỉnh.

Góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp có 136 trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thực hiện với góp vốn là 93,0 triệu USD, tăng 70,1% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ đạt 57,0 triệu USD, chiếm 61,2% tổng vốn góp; hoạt động kinh doanh bất động sản có số vốn góp đạt 22,0 triệu USD, chiếm 23,7%; hoạt động bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy đạt 9,6 triệu USD, chiếm 10,4%. Singapore và Hồng Kông là hai quốc gia có tỷ trọng vốn góp cao nhất lần lượt chiếm 72,5% và 10,1%.

Dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài cấp phép tại Thành phố

(Từ ngày 01/01/2024 đến 20/01/2024)

	Năm 2024		% so với cùng kỳ năm 2023	
	Số dự án	Vốn đầu tư (Triệu USD)	Số dự án	Vốn đầu tư
Tổng vốn đầu tư		125,7		70,2
- Dự án cấp mới giấy chứng nhận đầu tư	80	23,8	160,0	27,4
- Dự án điều chỉnh vốn đầu tư	07	8,9	35,0	23,7
- Góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp	136	93,0	97,8	170,1

Lũy kế từ ngày 01/01/1988 đến ngày 20/01/2024, trên địa bàn Thành phố có 12.470 dự án đầu tư nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng vốn hơn 57,63 tỷ USD (Thành phố Hồ Chí Minh dẫn đầu về số dự án còn hiệu lực so với cả nước); 26.769 trường hợp Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp trong nước với vốn góp đăng ký tương đương 28,21 tỷ USD. Tính chung giá trị vốn đầu tư nước ngoài cấp mới, vốn đầu tư tăng thêm và góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp vào Thành phố đạt hơn 85,84 tỷ USD.

4. ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

4.1. Tình hình thực hiện vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách Nhà nước của Thành phố là 74.395,1 tỷ đồng, trong đó: Vốn ngân sách Thành phố là 74.282,7 tỷ đồng, chiếm 99,85% Kế hoạch vốn, vốn ngân sách cấp huyện là 112,4 tỷ đồng, chiếm 0,15%.

Vốn đầu tư thực hiện xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước thực hiện tháng 01 năm 2024 đạt 1.530,7 tỷ đồng, tăng 20,4% so với cùng kỳ. Trong đó, vốn ngân sách cấp Thành phố quản lý ước thực hiện 1.525,0 tỷ đồng, tăng 21,9% so với cùng kỳ, đạt 2,1% vốn Kế hoạch Thành phố giao (do tháng 01/2023 trùng vào dịp tết Nguyên đán 2023 nên vốn thực hiện chỉ đạt 1.271,5 tỷ đồng); vốn ngân sách cấp huyện ước thực hiện 5,7 tỷ đồng, bằng 27,7% so với cùng kỳ (do Kế hoạch vốn từ ngân sách cấp huyện năm 2024 chỉ bằng 16,8% năm 2023), đạt 5,1% Kế hoạch.

Tình hình thực hiện Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách tháng 01 năm 2024

	Kế hoạch năm 2024 (Tỷ đồng)	Ước tính tháng 01 năm 2024 (Tỷ đồng)	Tháng 01 năm 2024 so với cùng kỳ (%)	Tháng 01 năm 2024 so với Kế hoạch (%)
TỔNG SỐ	74.395,1	1.530,7	120,4	2,1
Vốn ngân sách cấp Thành phố	74.282,7	1.525,0	121,9	2,1
Vốn cân đối ngân sách	68.654,7	1.380,0	122,9	2,0
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>33.958,2</i>	<i>205,3</i>	<i>136,0</i>	<i>0,6</i>
Vốn nước ngoài (ODA)	1.228,0	15,0	139,4	1,2
Xổ số kiến thiết	4.400,0	130,0	110,5	3,0
Vốn ngân sách cấp huyện	112,4	5,7	27,7	5,1

Tính đến hết ngày 12/01/2024, tổng số vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước đã giải ngân là 45.865,7 tỷ đồng, đạt 67,0% so với Kế hoạch vốn năm 2023 UBND Thành phố giao và đạt 65,0% so với Kế hoạch vốn Thủ Tướng Chính phủ giao. Ước tính đến hết tháng 01 năm 2024, giải ngân đạt 49.417,8 tỷ đồng, đạt 72% so với Kế hoạch vốn UBND Thành phố giao và đạt 70% so với Kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao.

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm: Ban giao thông Thành phố đã tổ chức ký kết giao ước thi đua, đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án trọng điểm trong 365 ngày của năm 2024. Theo đó, các nhà thầu sẽ duy trì thi công xuyên Tết đối với các dự án giao thông trọng điểm trên địa bàn Thành phố để đảm bảo tiến độ.

Dự án tuyến đường sắt Metro số 1 (Bến Thành – Suối Tiên): Dự án hoàn thành khoảng 97% tổng khối lượng và kế hoạch đưa vào khai thác thương mại vào tháng 7/2024. Ban Quản lý Đường sắt đô thị Thành phố đang đẩy nhanh tiến độ toàn dự án, tập trung ở các công tác chạy thử nghiệm tàu Metro. Dự án đang triển khai xây mới 09 cầu đi bộ, là hạng mục thuộc gói thầu CP2 (đoạn trên cao và depot) nằm chủ yếu dọc trục xa lộ Hà Nội và đường Võ Nguyên Giáp.

Dự án mở rộng Quốc lộ 50 tại huyện Bình Chánh: Tiến độ đoạn đường song hành Quốc lộ 50 đạt trên 38,5% khối lượng thi công và đoạn mở rộng Quốc lộ 50 hiện hữu dài hơn 2,5 km đã đủ điều kiện khởi công; 03 gói thầu xây lắp của dự án đã hoàn tất các thủ tục chọn lựa nhà thầu thi công, ký kết các hợp đồng tư vấn, giám sát và hoàn thành thủ tục tạm ứng. Các nhà thầu nỗ lực đẩy nhanh tiến độ nhưng do vướng mặt bằng và di dời công trình hạ tầng kỹ thuật nên dự án đang chậm tiến độ, các nhà thầu đang thi công theo hình thức có mặt bằng đến đâu thì đẩy nhanh tiến độ thi công.

Dự án Thành phần 2 đường Vành đai 3 Thành phố: Dự án đang được đẩy nhanh tiến độ bồi thường, mặt bằng bàn giao đạt tỉ lệ hơn 97,2%. Dự kiến công tác bồi thường giải phóng mặt bằng sẽ hoàn thành trong những tháng đầu năm 2024 để bàn giao cho chủ đầu tư.

Dự án Thành phần 1 đường Vành đai 3 Thành phố: Dự án được chia làm 14 gói thầu xây lắp, trong đó có 10 gói thầu xây lắp chính và 4 gói thầu phụ trợ phục vụ khai thác vận hành. Tính đến thời điểm hiện tại, toàn bộ 10 gói thầu xây lắp của dự án đường Vành đai 3 đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh đã được triển khai, ngoài 4 gói thầu đã được khởi công (XL3 - thành phố Thủ Đức, XL6

- huyện Củ Chi, XL8 - huyện Hóc Môn và XL9 - huyện Bình Chánh) thì tất cả công tác chọn lựa nhà thầu, ký hợp đồng và bàn giao mặt bằng cho 6 gói thầu còn lại cũng đang trong quá trình đẩy nhanh tiến độ. Dự kiến, đầu tháng 02 năm 2024, 10 gói thầu được triển khai đồng bộ trên địa bàn Thành phố nhằm đảm bảo tiến độ.

Dự án nút giao thông An Phú: Tất cả các hạng mục của Dự án nút giao thông An Phú được các đơn vị liên quan tập trung thi công cao độ nhằm đảm bảo tiến độ dự án; 04 gói thầu xây lắp của dự án đã hoàn tất các thủ tục chọn lựa nhà thầu thi công, ký kết các hợp đồng tư vấn, giám sát và hoàn thành thủ tục tạm ứng. Hạng mục thi công cầu Bà Dạt (phía đầu hầm chui) dự kiến hoàn thành phần cơ bản của tất cả các hạng mục trước tết Nguyên đán; thông xe kỹ thuật trong quý I năm 2024; vượt tiến độ so với tiến độ chung của toàn bộ dự án. Hạng mục thi công cầu Giồng Ông Tố, khu vực đường Đồng Văn Cống các trụ cầu cũng được hoàn thiện, chuẩn bị được lắp đặt dầm cầu giữa 02 cầu Giồng Ông Tố hiện hữu. Công trình dự kiến thông xe kỹ thuật vào tháng 10 năm 2024.

4.2. Cấp phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở hộ dân

Tính đến cuối tháng 12, toàn Thành phố đã cấp 22.834 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn với diện tích sàn 4.318,8 nghìn m²; về giấy phép giảm 27,4% (-8.636 giấy phép) so với cùng kỳ và giảm 27,4% về diện tích (-1.629,8 nghìn m²). Trong đó, cấp xây dựng mới 20.611 giấy phép với diện tích 3.980,1 nghìn m² và 2.223 giấy phép sửa chữa lớn với diện tích 338,7 nghìn m².

5. TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG VÀ CHỨNG KHOÁN

5.1. Thu, chi ngân sách

Ước tính tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố tháng 01 năm 2024 giảm 5,8% so với cùng kỳ, trong đó thu nội địa giảm 6,1%, thu từ dầu thô giảm 23,7% và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng 1,4% so với cùng kỳ. Ngược lại, ước tính chi ngân sách địa phương tăng 60,3% so với cùng kỳ, trong đó chi thường xuyên tăng 1,1%.

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước tháng 01 năm 2024 ước thực hiện 54.728 tỷ đồng, đạt 11,3% dự toán và giảm 5,8% so với cùng kỳ. Cụ thể:

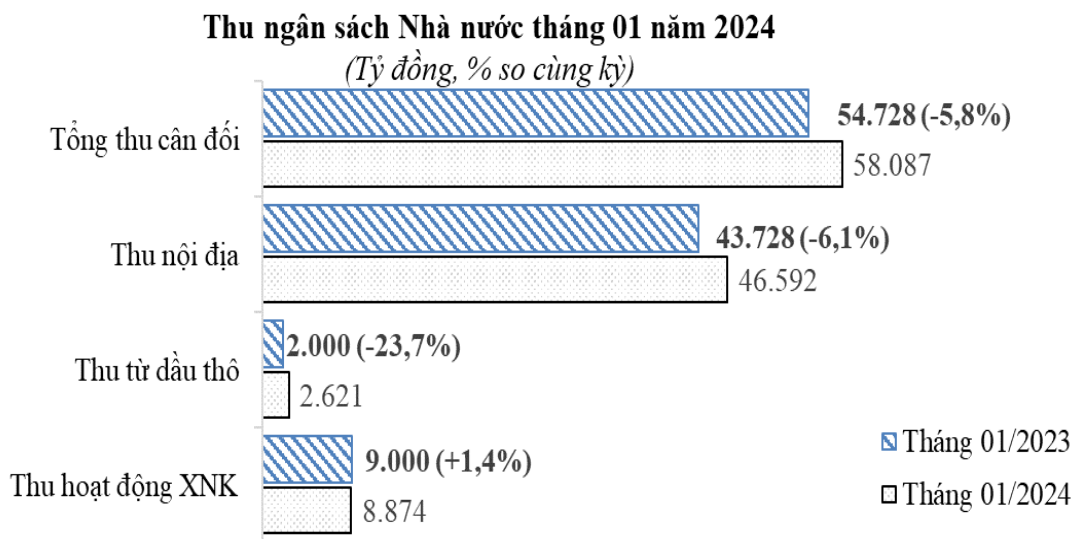
Thu nội địa ước thực hiện 43.728 tỷ đồng, đạt 13,1% dự toán, chiếm 79,9% tổng thu cân đối và giảm 6,1% so với cùng kỳ. Trong đó: Thu từ doanh nghiệp nhà nước ước thực hiện 5.026 tỷ đồng, đạt 16,8% dự toán, chiếm 9,2% tổng thu và tăng 4,0%; thu từ khu vực ngoài nhà nước ước thực hiện 13.929 tỷ đồng, đạt

15,2% dự toán, chiếm 25,5% tổng thu và giảm 25,7%; thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước thực hiện 13.944 tỷ đồng, đạt 15,2% dự toán, chiếm 25,5% tổng thu và tăng 12,2%.

Thu dầu thô ước thực hiện 2.000 tỷ đồng, đạt 11,2% dự toán, chiếm 3,7% tổng thu cân đối và giảm 23,7%.

Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước thực hiện 9.000 tỷ đồng, đạt 6,9% dự toán, chiếm 16,4% tổng thu cân đối và tăng 1,4%.

Thu cân đối ngân sách địa phương tháng 01 năm 2024, ước thực hiện 11.092 tỷ đồng, đạt 7,9% dự toán, chiếm 20,3% tổng thu cân đối ngân sách nhà nước và giảm 57% so với cùng kỳ.

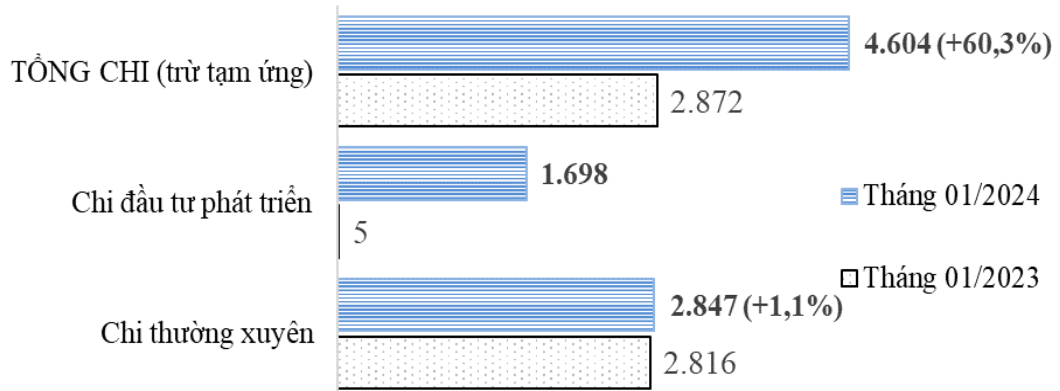


Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) tháng 01 năm 2024 ước thực hiện 4.604 tỷ đồng, đạt 3,1% dự toán và tăng 60,3% so với cùng kỳ. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) ước thực hiện 4.550 tỷ đồng, đạt 3,1% dự toán và tăng 61,3% so với cùng kỳ. Cụ thể:

Chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách địa phương ước thực hiện 1.698 tỷ đồng, đạt 2,2% dự toán (Tháng 01 năm 2023 thực hiện đạt 5 tỷ đồng).

Chi thường xuyên ước thực hiện 2.847 tỷ đồng, đạt 4,5% dự toán và tăng 1,1%. Trong đó, chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước thực hiện 734 tỷ đồng, đạt 3,1% dự toán và tăng 13,4%; chi cho sự nghiệp y tế ước thực hiện 164 tỷ đồng, đạt 3,2% dự toán và tăng 10,0%; chi khoa học và công nghệ ước thực hiện 44 tỷ đồng, đạt 8,3% dự toán và giảm 76,5%.

Chi ngân sách địa phương tháng 01 năm 2024
(Tỷ đồng, % so với cùng kỳ)



5.2. Hoạt động huy động vốn và tín dụng

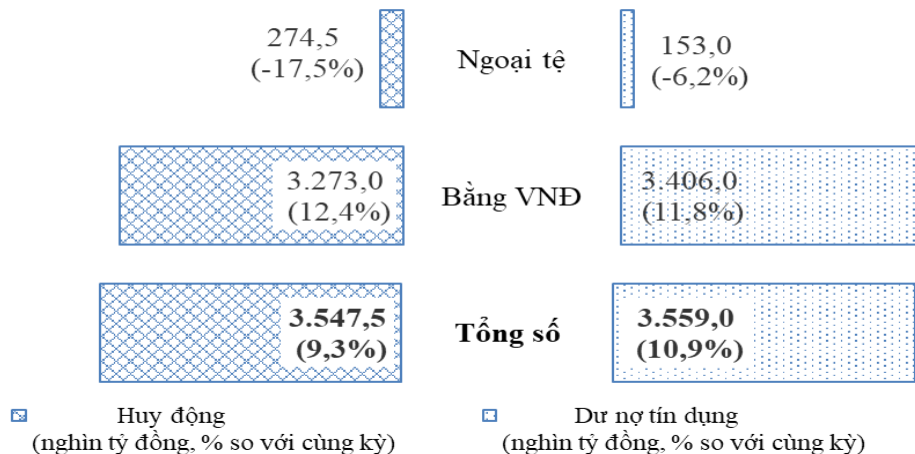
Hoạt động ngân hàng trên địa bàn Thành phố trong tháng 01 năm 2024 được duy trì ổn định, mặt bằng lãi suất, tỷ giá diễn biến theo đúng định hướng của Ngân hàng Nhà nước. Trong đó tỷ giá VNĐ/USD, giá vàng có diễn biến tăng so với cuối năm 2023 và lãi suất cho vay bằng VNĐ tại các Ngân hàng Thương mại đã giảm 2%-3%/năm tùy kỳ hạn so với cuối năm 2023. Tổng vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố tăng 9,3% và dư nợ tăng 10,8% so với cùng kỳ.

Tổng vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố ước tính đến 31/01/2024 đạt 3.547,5 nghìn tỷ đồng, tăng 0,2% so với tháng trước và tăng 9,3% so với cùng kỳ. Trong đó:

Vốn huy động bằng VNĐ ước đạt 3.273,0 nghìn tỷ đồng, chiếm 92,3% tổng vốn huy động, tăng 0,2% so với tháng trước và tăng 12,4% so với cùng kỳ.

Vốn huy động bằng ngoại tệ ước đạt 274,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 7,7% tổng vốn huy động, tăng 0,4% so với tháng trước và giảm 17,5% so với cùng kỳ.

Tổng vốn huy động và dư nợ tín dụng phân theo loại tiền tệ
(Ước tính đến 31/01/2024)



Tổng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố ước tính đến 31/01/2024 đạt 3.559 nghìn tỷ đồng, tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 10,9% so với cùng kỳ. Trong đó:

Tổng dư nợ tín dụng phân theo loại tiền tệ, cụ thể:

Dư nợ tín dụng bằng VND ước đạt 3.406 nghìn tỷ đồng, chiếm 95,7% tổng dư nợ toàn hệ thống, tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 11,8% so với cùng kỳ.

Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ ước đạt 153 nghìn tỷ đồng, chiếm 4,3%, tăng 1,0% so với tháng trước và giảm 6,2% so với cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng phân theo kỳ hạn tín dụng, cụ thể:

Dư nợ ngắn hạn ước đạt 1.709 nghìn tỷ đồng, chiếm 48% tổng dư nợ tín dụng, tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 18,2% so với cùng kỳ.

Dư nợ trung hạn, dài hạn ước đạt 1.850 nghìn tỷ đồng, chiếm 52% tổng dư nợ, tăng 0,4% so với tháng trước và tăng 4,9% so với cùng kỳ.

5.3. Thị trường chứng khoán

Tính cả năm 2023, khối lượng giao dịch trên sàn Hose tăng 11,9% về khối lượng nhưng giảm 14,7% về giá trị so với năm 2022. Chỉ số VN-Index trong tháng 12 có xu hướng tăng nhẹ và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của năm 2023 khi VN-Index đạt 1.129,93 điểm, tăng 12% so với 30/12/2022.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 29/12/2023, đã có 582 mã chứng khoán giao dịch theo phương thức khớp lệnh được thực hiện trên sàn giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh (Hose), trong đó có 327 mã cổ phiếu, 15 mã chứng chỉ quỹ, 239 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Số lượng mã chứng khoán giao dịch khớp lệnh đã giảm 05 mã cổ phiếu, 03 chứng quyền và tăng 01 mã chứng chỉ Quỹ so với tháng trước. Trong tháng 12/2023 có 31 mã chứng quyền hủy niêm yết trên sàn Hose.

Tháng 12 năm 2023 có 21 phiên giao dịch được thực hiện với tổng khối lượng 15.725,8 triệu chứng khoán và giá trị đạt 339.265,5 tỷ đồng. Tổng giao dịch đã giảm 13,4% về khối lượng và giảm 7,8% về giá trị so với tháng trước. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 87,9% về khối lượng và chiếm 84,9% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 748,8 triệu chứng khoán với 16.155,5 tỷ đồng được giao dịch, giảm 9,3% về khối lượng và giảm 3,5% về giá trị.

Tính chung cả năm 2023, tổng khối lượng giao dịch đạt 193.015,7 triệu chứng khoán với giá trị đạt 3.799.935,5 tỷ đồng, tăng 11,9% về khối lượng nhưng giảm 14,7% về giá trị so với năm 2022. Trong đó, giao dịch khớp lệnh

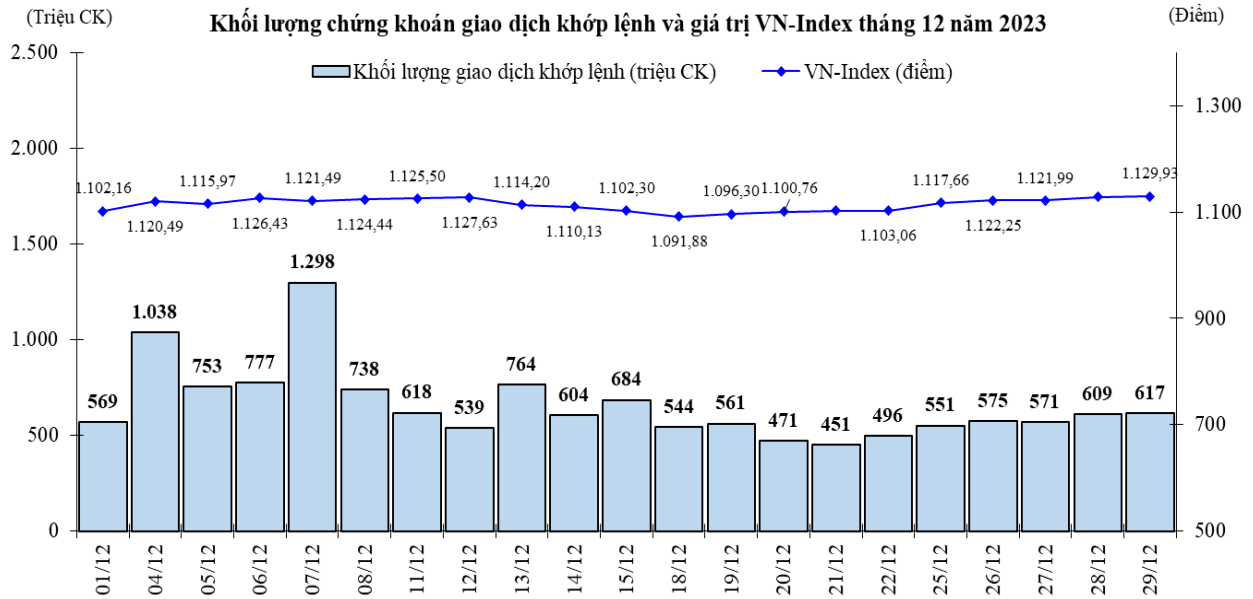
chiếm 90,8% về khối lượng và chiếm 88,9% về giá trị. Trung bình mỗi phiên trong năm có 781,4 triệu chứng khoán với 15.384,4 tỷ đồng được giao dịch, tăng 12,8% về khối lượng nhưng giảm 14,0% về giá trị so với bình quân mỗi phiên năm 2022.

Kết quả giao dịch chứng khoán tháng 12 và cả năm 2023 như sau:

Quy mô giao dịch chứng khoán trên Sàn HOSE

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 12/2023	Cả năm 2023	Tháng 12/2023 so với tháng 11/2023	So với cùng kỳ
A. Tổng khối lượng giao dịch (Triệu CK)	15.725,8	193.015,7	86,6	111,9
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>				
- Cổ phiếu	11.970,0	151.192,9	88,7	108,3
- Trái phiếu	3,5	51,1	250,0	72,4
- Chứng chỉ quỹ & ETF	160,5	1.468,3	101,4	80,6
- Chứng quyền	3.591,8	40.303,4	79,6	129,9
<i>2. Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
- Giao dịch khớp lệnh	13.828,9	175.298,2	83,9	111,0
- Giao dịch thỏa thuận	1.896,9	17.717,5	112,3	121,8
B. Tổng giá trị giao dịch (Tỷ đồng)	339.265,5	3.799.935,5	92,2	85,3
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>				
- Cổ phiếu	262.898,0	2.956.630,4	91,7	81,5
- Trái phiếu	15,8	233,5	263,3	34,2
- Chứng chỉ quỹ & ETF	3.598,0	29.066,3	120,2	73,2
- Chứng quyền	72.753,7	814.005,3	92,6	103,5
<i>2. Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
- Giao dịch khớp lệnh	287.925,9	3.379.532,1	87,3	87,8
- Giao dịch thỏa thuận	51.339,6	420.403,4	134,0	69,5

Chỉ số VN-Index trong tháng 12 năm 2023, với 21 phiên giao dịch được thực hiện thì VN-Index có 14 phiên tăng điểm và 07 phiên giảm điểm. Mở đầu phiên giao dịch tháng 12 năm 2023, VN-Index đạt 1.102,16 điểm, tăng 0,7% (tương ứng tăng 8,03 điểm) so với phiên giao dịch cuối tháng trước và tăng 9,4% (tương ứng tăng 95,07 điểm) so với 30/12/2022. VN-Index trong tháng 12 có xu hướng tăng nhẹ và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của năm 2023 khi VN-Index đạt 1.129,93 điểm, tăng 12,2% (tương ứng tăng 122,84 điểm) so với 30/12/2022; giá trị vốn hóa thị trường đạt 4.556.471 tỷ đồng, gấp 2,8 lần quy mô ước tính GRDP của Thành phố năm 2023.



Bước sang phiên giao dịch ngày 02/01/2024, phiên giao dịch đầu năm 2024, thị trường tiếp tục khởi sắc khi VN-Index đạt 1.131,72 điểm, tăng 0,16% (tương ứng tăng 1,79 điểm) so với 29/12/2023. Cập nhật phiên giao dịch ngày 19/01/2024, có 586 mã chứng khoán giao dịch theo hình thức khớp lệnh được thực hiện trên sàn Hose gồm: 333 mã cổ phiếu, 14 mã chứng chỉ, 238 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Chỉ số VN-Index đạt 1.181,50 điểm, tăng 4,6% (tương ứng tăng 51,57 điểm) so với 29/12/2023 và vốn hóa thị trường đạt 4.775.660 tỷ đồng.

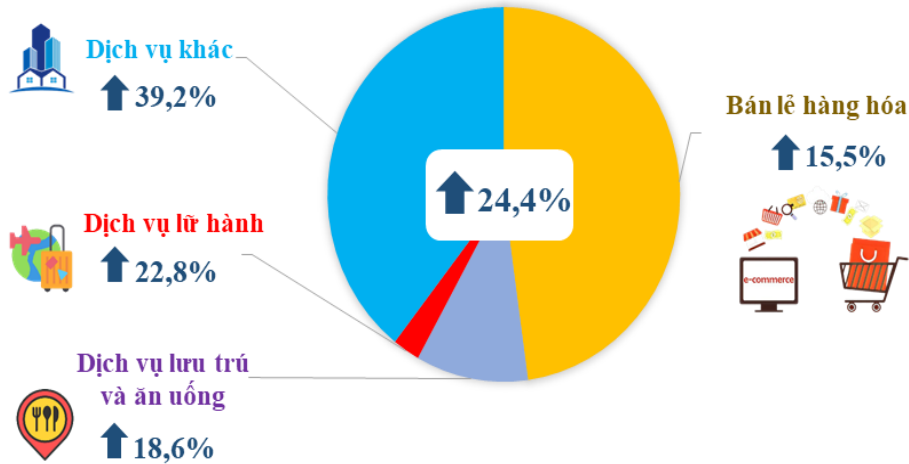
6. THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI

6.1. Thương mại, dịch vụ

Tháng 01 năm 2024 là tháng trước tết Nguyên đán nên nhu cầu mua sắm của người dân có xu hướng tăng. **Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 01 ước đạt 103.241 tỷ đồng, tăng 1,1% so với tháng trước và tăng 24,4% so với cùng kỳ.** Mức tăng so với tháng trước này chủ yếu từ hoạt động bán lẻ hàng hóa do đây là thời điểm kinh doanh sôi động nhất trong năm, nhiều siêu thị và cửa hàng thực hiện chương trình khuyến mãi để kích cầu tiêu dùng.

Nhằm đảm bảo cân đối cung cầu và ổn định giá cả các mặt hàng thiết yếu trước, trong và sau Tết, ngay từ những tháng đầu năm 2023, Thành phố đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Bình ổn thị trường các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu, các mặt hàng phục vụ học tập năm 2023 – Tết Giáp Thìn năm 2024. Đến nay, các hệ thống phân phối trên địa bàn duy trì và đảm bảo khả năng cung ứng phục vụ xuyên suốt cho người dân.

**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng
(% so với cùng kỳ)**



Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 01 năm 2024 ước đạt 49.335 tỷ đồng, chiếm 47,8% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, tăng 5,4% so với tháng trước và tăng 15,5% so với cùng kỳ. Hầu hết các nhóm hàng đều có doanh thu tăng so với cùng kỳ; trong đó, 03 nhóm hàng có tỷ trọng cao nhất mức tăng lần lượt là lương thực, thực phẩm tăng 8,8%; hàng đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 16,4%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 18,7%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống tháng 01 năm 2024 ước đạt 10.620 tỷ đồng, giảm 1,4% so với tháng trước và tăng 18,6% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu ăn uống ước đạt 9.116 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 85,8%, giảm 1,3% so với tháng trước và tăng 11,6% so với cùng kỳ. Thông thường trước Tết Nguyên đán, nhu cầu ăn uống, vui chơi của người dân tăng cao, nhưng hiện nay Thành phố đang thực hiện chủ trương đảm bảo an toàn cho người tham gia giao thông, siết chặt kiểm tra về vi phạm nồng độ cồn, điều này dẫn đến doanh thu của một số đơn vị kinh doanh ăn uống trên địa bàn giảm nhẹ so với tháng trước.

Doanh thu dịch vụ lẻ hành tháng 01 năm 2024 ước đạt 2.604 tỷ đồng, giảm 1,1% so với tháng trước và tăng 22,8% so với cùng kỳ. Từ ngày 18/01/2024 đến ngày 21/01/2024, Thành phố tổ chức sự kiện “Tết Việt xưa và nay”, đây là một hoạt động nổi bật để quảng bá văn hóa, ẩm thực và phong tục ngày Tết cổ truyền Việt Nam đến du khách khi tới Thành phố Hồ Chí Minh.

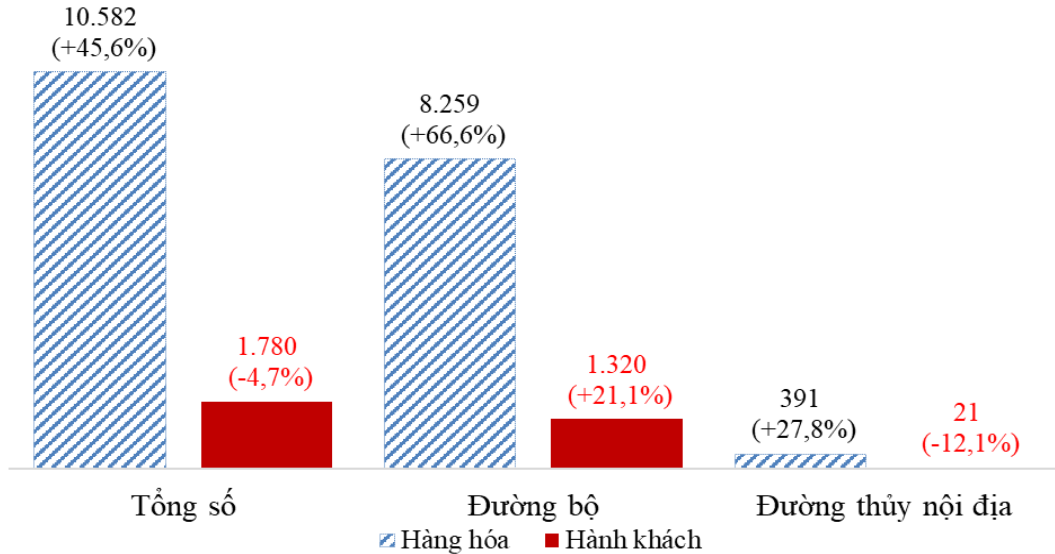
Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác tháng 01 năm 2024 ước đạt 40.682 tỷ đồng giảm 2,9% so với tháng trước và tăng 39,2% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành kinh doanh bất động sản chiếm tỷ trọng 61%, giảm 3,5% so với tháng trước và tăng 43,8% so với cùng kỳ.

6.2. Vận tải hàng hóa và hành khách

6.2.1. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

Tổng doanh thu vận tải hàng hóa, hành khách, bốc xếp và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 01 năm 2024 ước đạt 53.061 tỷ đồng, giảm 1,1% so với tháng trước và tăng 59,3% so với cùng kỳ.

Doanh thu vận tải tháng 01 năm 2024 một số ngành vận tải chủ yếu (Tỷ đồng, % so với cùng kỳ)



Vận tải hàng hóa: Doanh thu tháng 01 ước đạt 10.582 tỷ đồng, giảm 2,9% so với tháng trước và tăng 45,6% so với cùng kỳ. Trong đó, vận tải đường bộ chiếm 78,0%, tăng 66,6% so với cùng kỳ; vận tải đường thủy nội địa chiếm 3,7%, tăng 27,8%; vận tải đường biển chiếm 17,9%, giảm 4,6%.

Vận tải hành khách: Doanh thu tháng 01 ước đạt 1.780 tỷ đồng, tăng 5,4% so với tháng trước và giảm 4,7% so với cùng kỳ. Trong đó, vận tải đường bộ chiếm 74,2%, tăng 21,1% so với cùng kỳ; đường sắt chiếm 5,3%, tăng 9,7%; đường thủy nội địa chiếm 1,2%, giảm 12,1%; đường hàng không chiếm 8,3%, giảm 76,5%.

Hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải, bưu chính và chuyển phát: Doanh thu tháng 01 ước đạt 40.699 tỷ đồng, giảm 0,9% so với tháng trước và tăng 68,3% so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động kho bãi - dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 38.443 tỷ đồng, tăng 67,7% so với cùng kỳ; Bưu chính và chuyển phát đạt 2.214 tỷ đồng, tăng 79,8%.

6.2.2. Sản lượng vận tải hàng hóa và hành khách

Vận tải hàng hóa: Khối lượng vận chuyển tháng 01 ước đạt 24.264 nghìn tấn, giảm 7,7% so với tháng trước và tăng 41,5% so với cùng kỳ. Trong đó, vận tải đường bộ chiếm 71,2%, tăng 55,6% so với cùng kỳ; vận tải đường thủy nội địa chiếm 15,2%, tăng 20,6%; vận tải đường biển chiếm 13,6%, tăng 10,6%.

Vận tải hành khách: Khối lượng hành khách vận chuyển tháng 01 ước đạt 44.572 nghìn lượt, tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 17,2% so với cùng kỳ. Trong đó, vận tải đường bộ chiếm 98,7%, tăng 18,4% so với cùng kỳ; vận tải đường thủy nội địa chiếm 0,6%, giảm 15,1% và vận tải hàng không chiếm 0,2%, giảm 67,5%.

7. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 01 năm 2024 tăng 0,46% so với tháng trước và tăng 2,76% so với cùng kỳ. Trong đó, 3/11 nhóm hàng hóa giảm so với tháng trước gồm bưu chính viễn thông giảm 0,09%, hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,02% và giáo dục giảm 0,01%; 8/11 nhóm còn lại đều tăng, tăng cao nhất là nhóm thuốc và dịch vụ y tế với 7,76%.

Diễn biến chỉ số giá một số nhóm ngành hàng tháng 01 so với tháng trước:

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống: Giảm 0,02%, trong đó nhóm lương thực tăng 0,53%; thực phẩm giảm 0,35% và ăn uống ngoài gia đình tăng 0,34%.

Nhóm đồ uống và thuốc lá: Tăng 0,20% do nhu cầu tăng cao vào dịp cuối năm, trong đó nước khoáng và nước có ga tăng 0,29%; rượu bia tăng 0,28%.

Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép: Tăng 0,04%, do nhu cầu tiêu dùng của người dân và giá nhân công tăng. Trong đó, giá quần áo may sẵn tăng 0,15%; hàng may mặc khác tăng 0,05%; giá dịch vụ may mặc tăng 0,14%; giá dịch vụ giày, dép tăng 0,18%.

Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng: Tăng 0,58%, trong đó giá điện sinh hoạt tăng 3,05% do việc điều chỉnh giá điện theo Quyết định số 1416/QĐ-EVN ngày 08/11/2023 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân. Giá gas tăng 1,32% do việc điều chỉnh giá bán từ ngày 01/01/2024 theo đó giá gas tăng từ 5.000 – 6.000 đồng/bình 12 kg.

Thiết bị và đồ dùng gia đình: Tăng 0,15% do một số đơn vị kinh doanh điều chỉnh giá bán và ngưng các chương trình khuyến mãi.

Thuốc và dịch vụ y tế: Tăng 7,76% do các bệnh viện trên địa bàn Thành phố điều chỉnh giá dịch vụ y tế theo Thông tư 22/2023/TT-BYT ngày

17/11/2023 của Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp. Theo đó, giá dịch vụ y tế tăng 9,37%, cụ thể, giá dịch vụ khám chữa bệnh ngoại trú tăng 6,41%, giá dịch vụ khám chữa bệnh nội trú tăng 12,18%.

Giao thông: Tăng 0,58%, trong đó giá nhiên liệu tăng 0,73% do ảnh hưởng của 4 lần điều chỉnh giá bán xăng dầu (Ngày 04/01/2024, ngày 11/01/2024, ngày 18/01/2024 và ngày 25/01/2024). Bên cạnh đó, giá học phí học bằng lái xe tăng 3,42% do việc điều chỉnh giá học phí cho năm 2024.

Văn hóa, giải trí và du lịch: Tăng 0,27%, tập trung ở các mặt hàng như sách, báo, tạp chí các loại tăng 1,00%; thể thao và giải trí tăng 0,34%; du lịch trọn gói tăng 1,70% do nhu cầu thị trường và một số đơn vị điều chỉnh giá bán đầu năm 2024.

Hàng hóa và dịch vụ khác: Tăng 0,37%, trong đó đồ trang sức tăng 3,32% do giá vàng tăng cao thời gian gần đây; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 0,52%.

Chỉ số giá vàng tháng 01 năm 2024 tăng 3,32% so với tháng trước và tăng 13,75% so với cùng kỳ.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 01 năm 2024 tăng 0,54% so với tháng trước và tăng 3,68% so với cùng kỳ.

8. MỘT SỐ TÌNH HÌNH XÃ HỘI

8.1. Hoạt động y tế (Từ ngày 16/12/2023 đến ngày 15/01/2024)

Tình hình bệnh Sốt xuất huyết: Trong tháng, số ca mắc bệnh là 1.438 ca; 01 ca tử vong.

Tình hình bệnh Tay Chân Miệng: Trong tháng, số ca mắc bệnh là 1.410 ca và không có ca tử vong.

Tình hình bệnh Covid-19: Trong tháng, số ca mắc bệnh 45 ca, Thành phố hiện đã tiêm vắc xin phòng Covid-19, tổ chức tiêm chủng mở rộng và có thể lồng ghép vào chương trình tiêm chủng thường xuyên.

Tình hình bệnh Mpox (bệnh đậu mùa khỉ): Trong tháng, số ca mắc bệnh là 18 ca, không có ca tử vong.

Công tác khám chữa bệnh và điều trị,

Sau gần 07 năm triển khai Hệ thống ki-ốt khảo sát ý kiến không hài lòng của người bệnh tại các bệnh viện. Đây là kênh thông tin quan trọng cho hoạt động quản lý nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh mang tính sáng tạo

của Ngành Y tế Thành phố xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn tại các bệnh viện công lập.

Đối với hoạt động cung ứng thuốc, Thành phố chỉ đạo các đơn vị liên quan bảo đảm cung ứng thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế tại các cơ sở khám, chữa bệnh không bị gián đoạn. Thành phố cũng tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động bán thuốc kháng sinh của các nhà thuốc trên địa bàn, tuyên truyền Chiến lược Quốc gia về phòng, chống kháng thuốc.

8.2. Hoạt động giáo dục

Thành phố tiếp tục triển khai Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”.

Khai giảng lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông năm học 2023-2024; tổ chức kiểm tra thực tế kết quả thực hiện phổ cập giáo dục – xóa mù chữ năm 2023 tại các Quận 3, Quận 6, huyện Nhà Bè và thành phố Thủ Đức; triển khai nghị quyết 37/2003/NQ-HDND ngày 08/12/2023 về thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Công tác giáo dục không ngừng đổi mới, từng bước cải thiện phương pháp dạy và học phù hợp với thực tiễn và hội nhập quốc tế, hoàn thành kế hoạch năm học 2022-2023 và triển khai hiệu quả nhiệm vụ năm học 2023-2024.

8.3. Hoạt động văn hóa, thể thao

Hoạt động văn hóa nghệ thuật,

Trong tháng, Thành phố tổ chức thành công các chương trình văn hóa, lễ hội đặc sắc như: Tổ chức bắn pháo hoa tại 02 điểm để đón chào năm mới 2024 (Điểm bắn pháo hoa tầm cao tại khu vực đầu đường hầm sông Sài Gòn – thành phố Thủ Đức, điểm bắn pháo hoa tầm thấp tại Công viên Văn hóa Đầm Sen – Quận 11); tổ chức chương trình Countdown đón năm mới tại Công viên Tượng đài Hồ Chí Minh và phố đi bộ Nguyễn Huệ - Quận 1; tổ chức thực hiện trang trí ánh sáng nghệ thuật trên các tuyến đường trung tâm Thành phố; tổ chức chương trình hòa nhạc chào năm mới - New Year concert 2024 do Nhà hát giao hưởng vũ nhạc kịch Thành phố Hồ Chí Minh (HBSO) tổ chức; tại công viên bờ sông Sài Gòn thuộc thành phố Thủ Đức đã diễn ra Tuần lễ hoạt động chào đón năm mới 2024 với chủ đề "Hội tụ Thủ Đức" thu hút đông đảo người dân đến tham quan, chụp ảnh.

Về hoạt động thể thao,

Lễ khai mạc và vòng loại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh giải bóng đá Thanh Niên sinh viên Việt Nam lần II – 2024 cúp THACO diễn ra tại sân vận động trường Đại học Tôn Đức Thắng, đây là giải được tổ chức thường niên trong khoảng thời gian từ kỷ niệm Ngày truyền thống Học sinh - Sinh viên Việt Nam (09/01), chào mừng Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3) và ngày Thể thao Việt Nam (27/3). Giải bóng đá Thanh niên Việt Nam năm 2024 chính thức được đưa vào hệ thống thi đấu quốc gia thường niên của Liên đoàn bóng đá Việt Nam và giải thể thao sinh viên Việt Nam. Vòng loại của giải diễn ra từ ngày 06/01 tới ngày 09/3/2024 tại 06 khu vực, kết thúc vòng loại, 12 đội bóng dẫn đầu 06 khu vực sẽ tham gia vòng chung kết được tổ chức từ ngày 16/03 tới ngày 31/3/2024 tại trường Đại học Tôn Đức Thắng.

Tổ chức Giải Marathon Thành phố Hồ Chí Minh mùa thứ 11 năm 2024 quy tụ 11.000 vận động viên tham dự ở 04 cự ly: Marathon 42 km, bán Marathon 21 km, 10 km và 5 km. Cuộc đua sẽ là một trong những sự kiện nổi bật khai xuân 2024 của Thành phố. Có khoảng 1.300 vận động viên người nước ngoài đến từ 60 quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia. Số lượng vận động viên tham gia 02 cự ly dài là 42 km và 21 km chiếm 51% trên tổng số vận động viên tham gia. Tổng giá trị giải thưởng gần 800 triệu đồng.

8.4. Tình hình trật tự an toàn xã hội (Từ ngày 16/12/2023 đến ngày 16/01/2024)

Tình hình trật tự an toàn giao thông,

Trong tháng, xảy ra 193 vụ tai nạn giao thông đường bộ, tăng 27,0% so với cùng kỳ, làm chết 48 người, giảm 30,0%; bị thương 142 người, tăng 56,0%. Không xảy ra vụ tai nạn giao thông đường sắt và đường thủy nội địa.

Về tình hình cháy nổ,

Trong tháng, xảy ra 48 vụ cháy, làm chết 01 người, bị thương 01 người, trị giá tài sản thiệt hại khoảng 36,7 triệu đồng (còn 20 vụ chưa thống kê được thiệt hại). Nguyên nhân gây cháy vẫn chủ yếu do sự cố hệ thống, thiết bị điện.

Trong tháng trên địa bàn Thành phố không xảy ra vụ nổ.

Vi phạm kinh tế,

Trong tháng đã phát hiện và xử lý 261 vụ, 44 tổ chức, 223 cá nhân vi phạm về kinh tế, tham nhũng và buôn lậu. Đã khởi tố 90 vụ, 74 bị can, xử phạt vi phạm hành chính 122 vụ, 77 cá nhân, 45 tổ chức với tổng số tiền phạt gần 3 tỷ

đồng. Các hành vi vi phạm chủ yếu là sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, nhất là phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp liên quan các mặt hàng thiết yếu, y tế gây bất ổn thị trường.

Tình hình hoạt động phòng, chống tội phạm ma túy,

Trong tháng, đã phát hiện, xử lý 349 vụ, 802 đối tượng tàng trữ, vận chuyển, mua bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; khởi tố 289 vụ, 507 bị can, xử lý hành chính 49 vụ, 267 đối tượng, thu giữ 12,83 kg Heroin, 59,64 kg Cần sa, 160,52 kg ma túy tổng hợp, 4,80 gram nghi vấn ma túy các loại.

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hình sự và các tệ nạn xã hội,

Trong tháng, ghi nhận xảy ra 398 vụ phạm tội về trật tự xã hội, giảm 16,7% so với cùng kỳ; làm chết 06 người, bị thương 27 người, tài sản thiệt hại khoảng 40 tỷ đồng. Đã khám phá nhanh 310/398 vụ (đạt 77,9%) và bắt 564 đối tượng.

8.5. Tình hình giải quyết việc làm

Trong tháng 01 năm 2024, các thành phần kinh tế đã giải quyết việc làm cho 27.347/300.000 lượt người, đạt 9,1% kế hoạch năm.

Trong tháng có 12.624/140.000 chỗ việc làm mới được tạo ra, đạt 8,9% kế hoạch năm.

Tổng số lao động được đưa đi làm việc ở nước ngoài trong tháng là 274 người, chủ yếu ở Nhật Bản, Đài Loan tập trung ở ngành nghề chính như: Chế biến thực phẩm, đóng gói, điều dưỡng.

Về giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp (Từ ngày 01/12/2023 đến ngày 31/12/2023): Trong tháng, đã tiếp nhận 10.094 trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp và ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 11.238 người lao động đủ điều kiện.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh tháng 01 năm 2024.

Nơi nhận:

- Vụ TK Tổng hợp;
- Vụ Hệ thống TKQG;
- Thành uỷ, HĐND, UBND TP;
- Lãnh đạo Cục TK;
- Đơn vị thuộc Cục TK;
- Cục TK một số tỉnh, TP;
- Một số Sở, ngành TP;
- Lưu: TH, TCHC.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Trần Phước Tường